TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 05-11- 2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Khang;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1962. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày:

Ông và bà X chung sống từ năm 1984, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng cha mẹ ông. Vợ chồng ly thân cách nay 08 năm nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà X

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Tuyết X, sinh năm 1986; Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1989 và Trần Thạch T, sinh năm

1995. Hiện các con đã trưởng thành có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 10 năm 2018 bị đơn bà Phạm Thị X trình bày:

Nhận thấy thống nhất lời trình bày của ông A về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bà X yêu cầu được ly hôn. Khi ly hôn, về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặc ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà X vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984. Ông A, bà X thừa nhận trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, ông bà đã ly thân được 08 năm. Nay ông A, bà X cùng có yêu cầu ly hôn, nhưng bà X vắng mặt nên không công nhận thuận tình ly hôn mà có cơ sở xem xét mâu thuẫn giữa ông A và bà X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặc ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông A là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Ông Trần Văn A được ly hôn với bà Phạm Thị X.

2. Về con chung: Anh Trần Thị Tuyết X, sinh năm 1986; Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1989 và Trần Thạch T, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không đặc ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016341 ngày 16/8/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; ông A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Trưởng